

Vietnam Daily Review

Thị trường tiếp tục đà phục hồi

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/7/2022	•		
Tuần 18/7-22/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở:

Trước ngưỡng kháng cự 1200, VN-Index có vẻ chùn bước và giằng co ở vùng này suốt cả ngày hôm nay. Kết phiên, chỉ số tăng nhẹ 4 điểm, đóng cửa tại ngưỡng 1198. 10/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ có mức tăng mạnh mẽ nhất hơn 4%, ngoài ra, ngành Ngân hàng, Thép cũng là trụ đỡ cho thị trường ngày hôm nay. Tuy vậy, số mã giảm lại áp đảo số mã tăng cho thấy dòng tiền có sự phân hóa trong mỗi ngành. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong thời gian tới, VN-Index có thể sẽ tiếp tục giao dịch tích lũy quanh vùng 1200 để tạo đà tăng điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+4.33** điểm, đóng cửa **1198.47** điểm. HNX-Index **-0.78** điểm, đóng cửa **288.09** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MWG (+1.11)**, **MSN (+0.91)**, **SAB(+0.86)**, **CTG (+0.55)**, **GAS (+0.53)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.86)**, **BCM (-0.20)**, **PLX (-0.16)**, **BVH (-0.15)**, **PGV (-0.11)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 11,111 tỷ đồng, giảm **14.14%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12,119 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 6.94 điểm. Thị trường có **197** mã tăng, 77 mã tham chiếu và **247** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **386.84** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (64.06 tỷ)**, **LPB (52.65 tỷ)**, **GAS (41.41 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 1.08 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1198.47**

Giá trị: 11110.64 tỷ **4.33 (0.36%)**

Khối ngoại (ròng): 386.84 tỷ

HNX-INDEX **288.09**

Giá trị: 1168.44 tỷ **-0.78 (-0.27%)**

Khối ngoại (ròng): 1.08 tỷ

UPCOM-INDEX **89.12**

Giá trị: 0.67 tỷ **0.24 (0.27%)**

Khối ngoại(ròng): 4.16 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	96.9	-3.01%
Giá vàng	1,687	-0.55%
Tỷ giá USD/VND	23,416	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	23,835	-0.36%
Tỷ giá JPY/VND	16,893	-0.26%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	0.38%
LS TPCP 5 năm	2.7%	-0.15%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	64.1	VHM	-37.8
LPB	52.6	FUEVFVND	-16.6
GAS	41.4	E1VFN30	-16.4
MWG	40.3	VCB	-11.1
DPM	36.4	CTD	-9.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 21/07

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	USD/barrel	102.58	-1.54%	6.52%	-6.34%	45.92%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/barrel	106.69	-0.62%	7.15%	-4.55%	47.71%	PVT	GAS, BSR
Xăng	UScent/gallon	3.25	-1.61%	0.62%	-11.95%	46.79%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/ounce	1696.43	-0.86%	-2.24%	-7.43%	-5.93%		PNJ
Bạc	USD/ounce	18.66	-0.40%	-2.76%	-13.87%	-26.03%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1449.00	-1.91%	-2.41%	-9.35%	0.68%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	UScent/bushel	819.50	0.89%	1.08%	-16.99%	15.30%	AFX	
Sữa	USD /cwt	22.55	0.04%	-0.75%	-7.24%	35.44%	KDC	VNM, GTN
Cao su*	JPY/kg	157.80	-0.32%	0.51%	-1.56%	-3.07%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	US cent/lb	18.67	-0.90%	-2.46%	0.05%	5.66%	VNM, GTN	SBT, LSS
Cà phê	US cent/lb	2.83	0.00%	-1.74%	5.99%	-15.27%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD /ton	218.15	-1.02%	3.98%	-6.41%	23.95%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép*	USD/ton	3.32	0.56%	-0.24%	-17.86%	-22.53%	PC1, CTD	HPG
Thép HRC*	USD/ton	3803.00	-0.60%	-3.23%	-12.11%	-30.99%		
Nhôm	USD/ton	2425.00	1.63%	2.62%	-4.28%	-1.02%	CAV, SAM	
Quặng sắt*	USD/ton	101.00	0.00%	-6.05%	-12.17%	-54.30%	HPG	
Than đá	USD/ton	399.00	0.74%	-6.34%	1.59%	166.44%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ giảm 0.23% xuống 99.63 USD/thùng vào sáng ngày 21/7. Giá dầu thô Brent giao tháng 9 giảm 0.69% xuống 106.61 USD/thùng.
- Giá dầu thô giảm trong phiên giao dịch ngày 20/7, sau khi dữ liệu của chính phủ Mỹ cho thấy nhu cầu xăng thấp hơn trong mùa lái xe cao điểm, và các ngân hàng trung ương tăng lãi suất để chống lạm phát đẩy lên lo ngại nền kinh tế có thể chậm lại, làm giảm nhu cầu năng lượng.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 21/7, giá vàng giao ngay giảm 0.08% xuống 1,694.9 USD/ounce, theo kitco. Giá vàng giao tháng 9 cũng giảm 0.45% xuống 1,692.6 USD.
- Giá vàng giảm trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (20/7) xuống quanh mốc 1,700 USD/ounce, vì đồng USD phục hồi trong bối cảnh thị trường dự đoán Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ không nâng lãi suất thêm 100 điểm cơ bản vào tuần tới.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 7/2022 ghi nhận mức 253.4 yen/kg, tăng 0.8% (tương đương 2 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 8/2022 được điều chỉnh xuống mức 11,805 nhân dân tệ/tấn, giảm 0.59% (tương đương 70 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 9/2022 được ghi nhận không đổi tại mức 1,998 USD/tấn.
- Giá cà phê arabica giao tháng 9/2022 tại New York đạt mức 218.15 US cent/pound, tăng 0.76% (tương đương 1.65 US cent).

Thị trường chứng khoán thế giới

	21/7	% 21/7	20/7	% 20/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1198.47	0.36%	1194.14	1.34%	1.38%	2.22%
S&P 500			3959.90	0.59%	4.16%	7.99%
HĐTL S&P500	3952.25	-0.26%	3962.50	0.63%	4.19%	7.52%
Shang-hai	3272.00	-0.99%	3304.72	0.77%	-0.30%	-1.05%
Euro Stoxx	3562.02	-0.65%	3585.24	-0.06%	4.87%	1.95%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	63.5	66.5	1	-2.06%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/18/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	23.7	3	2.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

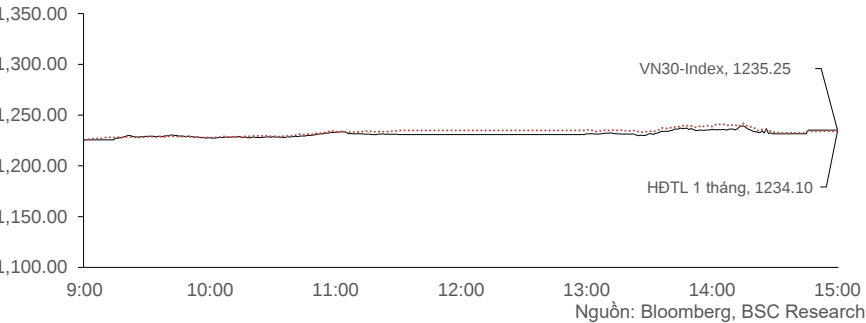
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	0	2.59%	0.00%	2.59%	2
Cổ phiếu đã chốt	249	221	7.10%	-7.54%	4.21%	23

BSC

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1234.10	0.65%	-1.15	7.4%	203,851	7/21/2022	0
VN30F2208	1226.40	0.24%	-8.85	74.2%	27,056	8/18/2022	28
VN30F2209	1224.10	-0.22%	-11.15	22.6%	152	9/15/2022	56
VN30F2212	1223.70	0.11%	-11.55	-57.4%	43	12/15/2022	147

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 9.63 điểm lên 1235.25 điểm, biên độ dao động 14.03 điểm. Các cổ phiếu như MWG, MSN, TCB, HPG và ACB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. VN30 hôm nay có nhịp vận động tích cực, chỉ số tăng ngay từ đầu phiên, cuối phiên giảm nhẹ. Thanh khoản vượt ngưỡng trung bình và cao hơn phiên trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết đều có dấu hiệu tích cực cho xu hướng hồi phục ngắn hạn. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.
- Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, hầu hết các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30F2209 tăng so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, tương tự khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, HĐ VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2208	10/7/2022	78	14.8:1	59,600	42.70%	2,400	1,250	8.70%	640	1.95	111,485	104,233	105,500
CKDH2209	3/28/2023	250	7.26:1	600	36.43%	1,200	1,260	6.78%	723	1.74	53,768	36,344	36,950
CFPT2203	8/1/2022	11	3.3:1	514,600	33.26%	3,800	2,210	6.76%	2,079	1.06	80,068	95,000	85,000
CHDB2208	3/8/2023	230	5:1	4,700	39.29%	1,100	1,190	5.31%	695	1.71	28,499	23,999	24,050
CSTB2214	1/9/2023	172	2:1	211,900	46.94%	1,630	2,190	4.29%	1,611	1.36	23,480	23,000	23,100
CSTB2211	12/27/2022	159	8:1	1,376,700	46.94%	1,000	560	3.70%	368	1.52	26,693	23,333	23,100
CSTB2215	3/28/2023	250	5:1	226,900	46.94%	1,100	1,240	3.33%	856	1.45	30,922	22,222	23,100
CHDB2207	12/7/2022	139	3:1	15,500	39.29%	2,500	1,410	2.92%	775	1.82	24,860	24,500	24,050
CMBB2206	10/3/2022	74	10:1	5,400	36.02%	1,000	580	1.75%	395	1.47	31,422	22,222	25,600
CVNM2207	3/28/2023	250	15.4:1	200	26.70%	1,100	1,190	1.71%	654	1.82	68,668	68,668	73,200
CPNJ2202	10/3/2022	74	24.8:1	8,200	41.82%	1,200	900	0.00%	725	1.24	117,834	99,999	114,000
CKDH2208	12/7/2022	139	4.54:1	200	36.43%	2,400	2,010	0.00%	918	2.19	43,019	35,891	36,950
CMBB2207	1/3/2023	166	10:1	27,300	36.02%	1,000	640	0.00%	389	1.64	41,356	23,456	25,600
CSTB2213	1/3/2023	166	8:1	75,200	46.94%	1,000	570	0.00%	319	1.79	36,044	24,444	23,100
CPNJ2203	10/3/2022	74	24.8:1	170,600	41.82%	1,300	820	-1.20%	650	1.26	139,190	109,999	114,000
CVNM2204	10/7/2022	78	9.67:1	381,000	26.70%	1,500	810	-1.22%	563	1.44	70,603	73,000	73,200
CHPG2215	3/28/2023	250	10:1	677,700	36.71%	1,000	710	-1.39%	293	2.42	37,299	22,999	22,700
CTPB2203	10/28/2022	99	10:1	124,700	44.37%	1,000	800	-5.88%	614	1.30	75,899	22,999	28,300
CTPB2204	3/28/2023	250	10:1	357,600	44.37%	1,000	880	-7.37%	687	1.28	39,388	23,888	28,300
CVPB2204	11/15/2022	117	16:1	150,300	37.53%	1,000	380	-9.52%	95	4.02	30,888	30,888	28,200

Tổng 4,388,900 39.36%**													
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất									CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%									Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
	**Trung bình độ lệch chuẩn									*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

- Trong phiên giao dịch ngày 21/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2201 và CMSN2203 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 185.71% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 14.22%, CHPG2215 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.80% thị trường.
- CVHM2208, CVJC2202, CPNJ2201 và CKDH2208 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2215, CPNJ2204, CMBB2207 và CNVL2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203 và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	64.1	4.7%	0.7	4,079	13.7	3,515	18.2	4.2	48.8%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	114.0	0.4%	0.7	1,201	3.2	5,443	20.9	3.5	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	56.7	-1.4%	1.3	1,830	1.7	2,529	22.4	1.9	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	43.9	0.7%	0.7	447	0.1	3,630	12.1	1.3	58.5%	11.0%
VIC	Bất động sản	68.5	0.4%	0.5	11,359	2.8	(578) #N/A	N/A	2.5	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	26.3	1.0%	1.1	2,598	2.3	401	65.6	1.9	31.8%	3.0%
VHM	Bất động sản	58.9	-1.3%	0.8	11,151	5.3	8,786	6.7	2.0	23.2%	34.5%
DXG	Bất động sản	22.3	2.8%	1.4	589	11.5	1,503	14.8	1.5	29.4%	11.3%
SSI	Chứng khoán	21.3	0.0%	1.7	1,380	14.8	2,841	7.5	1.5	21.7%	22.6%
VCI	Chứng khoán	38.9	-1.9%	1.0	566	5.6	4,884	8.0	1.8	18.4%	26.9%
HCM	Chứng khoán	25.3	-2.7%	1.6	503	6.8	2,522	10.0	1.5	42.6%	17.5%
FPT	Công nghệ	85.0	0.1%	1.0	4,054	6.7	4,293	19.8	4.8	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	68.5	-1.7%	0.4	978	0.0	4,926	13.9	3.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	104.1	1.1%	1.0	8,663	3.9	5,109	20.4	3.7	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	42.4	-1.2%	1.5	2,340	0.7	1,950	21.7	2.1	17.6%	9.9%
PVS	Dầu khí	23.7	-0.8%	1.6	493	4.1	1,408	16.8	0.9	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	24.8	0.4%	0.8	3,343	13.1	2,108	11.8	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	91.7	3.6%	0.3	521	0.2	6,361	14.4	3.2	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	48.0	-1.0%	1.3	817	5.7	12,920	3.7	1.5	16.2%	50.2%
DCM	Hóa chất	30.7	2.2%	1.2	705	4.2	5,643	5.4	1.8	9.1%	38.9%
VCB	Ngân hàng	72.5	0.0%	0.8	14,918	3.7	4,855	14.9	2.9	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	36.5	0.3%	1.2	8,028	2.4	2,266	16.1	2.1	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.5	1.7%	1.5	5,746	5.7	2,558	10.8	1.4	26.5%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.2	0.2%	1.2	5,451	11.4	3,874	7.3	1.4	17.6%	24.0%
MBB	Ngân hàng	25.6	0.2%	1.3	4,205	7.4	3,623	7.1	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.7	1.4%	1.1	3,620	4.6	3,081	8.0	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	57.5	0.9%	0.7	205	0.1	3,150	18.3	1.9	85.5%	10.7%
NTP	Nhựa	40.8	6.0%	0.5	230	0.2	3,628	11.2	1.9	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	19.6	0.0%	1.6	937	0.2	178	110.1	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.7	1.6%	1.1	5,739	22.7	5,726	4.0	1.3	20.5%	40.4%
HSG	Thép	18.3	1.7%	1.6	397	7.2	7,157	2.6	0.8	6.6%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	73.2	0.3%	0.6	6,652	5.5	4,390	16.7	4.8	54.6%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	165.0	3.3%	0.8	4,600	1.6	5,969	27.6	4.9	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	105.5	2.4%	1.0	6,531	4.7	7,041	15.0	5.4	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	18.2	-1.4%	1.6	496	0.7	1,144	15.9	1.3	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	83.0	-1.1%	0.8	7,856	0.0	363	228.8	4.8	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	126.0	0.4%	1.1	2,967	2.6	361	348.6	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.5	-0.9%	1.7	1,584	0.5	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	50.6	-0.8%	1.0	663	1.7	2,256	22.4	2.3	45.8%	10.8%
PVT	Vận tải	20.0	0.3%	1.4	281	1.1	2,088	9.6	1.2	13.3%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	73.1	0.3%	0.9	509	0.1	10,540	6.9	2.2	3.1%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	58.5	4.1%	0.7	1,140	4.3	3,677	15.9	3.4	5.7%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.3	0.0%	1.1	270	0.9	783	20.8	1.2	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	58.8	-3.0%	1.3	189	2.4	(27) #N/A	N/A	0.5	52.4%	0.0%
CII	Xây dựng	19.5	-0.8%	1.4	213	2.6	1,266	15.4	0.9	11.0%	6.1%
REE	Điện	81.7	-1.0%	-1.4	1,262	2.5	5,994	13.6	2.1	49.1%	16.7%
PC1	Điện	37.3	-1.7%	-0.4	381	1.9	3,238	11.5	1.8	4.7%	16.9%
POW	Điện	13.4	-1.1%	0.6	1,359	5.2	859	15.5	1.1	2.3%	6.9%
NT2	Điện	25.3	-1.7%	0.6	317	1.4	3,116	8.1	1.6	14.3%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	36.9	-0.4%	1.5	1,230	5.1	866	42.6	1.9	19.3%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	62.2	-1%	1.0	2,799	0.2	1,190	52.3	3.9	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MWG	64.10	4.74	1.08	5.00MLN
MSN	105.50	2.43	0.90	1.03MLN
SAB	165.00	3.25	0.85	223300
CTG	27.50	1.66	0.55	4.82MLN
GAS	104.10	1.07	0.53	862900

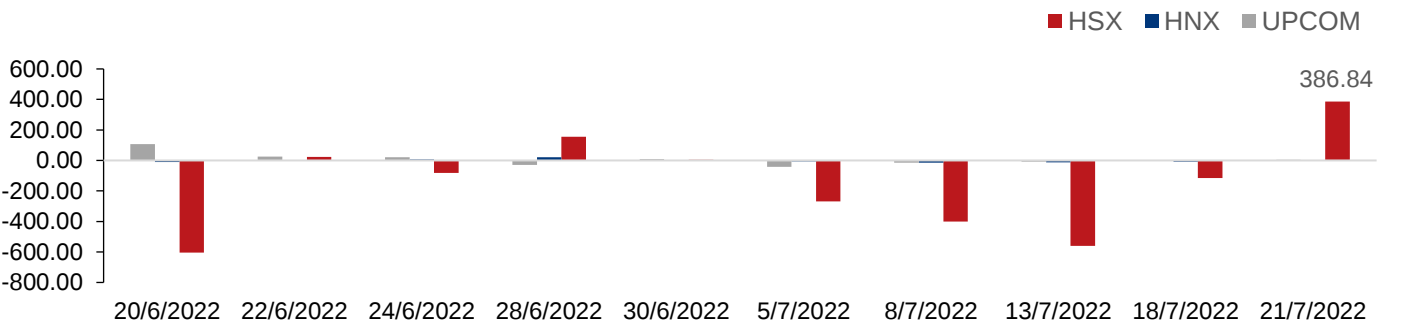
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/14/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.88	2.07MLN	1.11MLN
BCM	0.00	-0.21	89100	607060
PLX	0.00	-0.16	396100	373600
BVH	0.00	-0.15	701800	192700
PGV	0.00	-0.11	7500	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNC	62.90	6.97	0.02	3400.00
CLW	28.70	6.89	0.01	100
OPC	27.00	6.85	0.01	10200
ABR	11.85	6.76	0.00	400
VRC	11.10	6.73	0.01	55400

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAF	34.30	-6.92	-0.09	3.52MLN
CIG	6.89	-6.89	0.00	150100
GMC	23.20	-6.83	-0.01	600.00
S4A	35.00	-6.67	-0.03	5500
DTT	12.75	-6.25	0.00	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	48.0	12,920	3.7	1.5	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	16.3	783	20.8	1.2	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	25.3	3,116	8.1	1.6	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	17.1	0	150.2	0.6	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	35.1	6,244	5.6	1.2	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	24.4	1,187	20.6	1.9	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	37.3	3,238	11.5	1.8	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.4	859	15.5	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	19.5	9,632	2.0	0.8	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	81.7	5,994	13.6	2.1	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	36.8	4,406	8.4	1.0	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	104.1	5,109	20.4	3.7	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	45.7	3,842	11.9	2.3	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	22.7	5,726	4.0	1.3	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	18.3	4,039	4.5	2.4	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	24.8	2,108	11.8	2.0	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	65.9	3,434	19.2	5.4	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	114.0	5,443	20.9	3.5	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.6	1,701	8.6	0.6	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	25.3	3,116	8.1	1.6	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	72.6	10,782	6.7	1.5	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	79.0	4,874	16.2	5.1	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	37.3	3,238	11.5	1.8	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.3	-129	#N/A N/A	0.7	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	85.0	4,293	19.8	4.8	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.0	2,279	12.3	1.9	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	19.5	9,632	2.0	0.8	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.4	859	15.5	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	114.0	5,443	20.9	3.5	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	64.1	3,515	18.2	4.2	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.0	2,088	9.6	1.2	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	100.5	12,412	8.1	4.1	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	22.7	5,726	4.0	1.3	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	36.9	866	42.6	1.9	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.5	5,207	4.5	1.4	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	22.3	1,503	14.8	1.5	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	62.5	4,775	13.1	5.0	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	45.7	3,842	11.9	2.3	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.2	2,701	10.1	1.9	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	84.0	11,153	7.5	2.1	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	28.3	1,941	14.6	1.3	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	43.9	3,630	12.1	1.3	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	23.7	1,408	16.8	0.9	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	104.1	5,109	20.4	3.7	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	18.8	4,011	4.7	1.3	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	58.8	-27	#N/A N/A	0.5	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.6	1,701	8.6	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
6	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
7	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
8	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
11	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
14	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
16	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
17	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
20	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
23	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
26	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
29	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
32	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
34	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
36	Banking Sector Outlook		x	Click
37	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
39	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
40	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
41	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
42	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
44	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639